

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 18

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Trích dẫn sơ lược 41 truyện linh ứng:

1. Linh ứng chép trong Hán-pháp-bản-nội-truyện.
2. Cư sĩ Đinh Đức Chân đời Tấn.
3. Cư sĩ Châu Mẫn đời Tấn.
4. Cư sĩ Đồng Cát đời Tấn.
5. Cư sĩ Châu Đương đời Tấn.
6. Cư sĩ Tạ Phu đời Tấn.
7. Sa-môn Thích Đạo An đời Tấn.
8. Sa-môn Thích Tăng Tịnh đời Tấn.
9. Sa-môn Châu Sĩ Hành đời Ngụy.
10. Sa-môn Thích Chí Trạm đời Ngụy.
11. Sa-môn ở chùa Ngũ Hầu đời Ngụy.
12. Quan nội giám giữa niên hiệu Thái Hoà đời Ngụy.
13. Sa-môn Thích Tuệ Nghiêm đời Tống.
14. Tỳ-kheo ni Thích Trí Thông đời Tống.
15. Sa-môn Thích Tuệ Khánh đời Tống.
16. Sa-môn Thích Tuệ Bảo đời Tề.
17. Cư sĩ Hà Quy đời Lương.
18. Vua Cao tổ Vũ đế nhà Châu.
19. Nghiêm Cung ở Dương châu đời Trần.
20. Vị Tăng vô danh ở Dương châu đầu đời Tùy.
21. Sa-môn Thích Tuệ Ý đời Tùy.
22. Sa-môn Thích Pháp Tạng đời Tùy.
23. Vị du Tăng vô danh đời Tùy.
24. Sa-môn Thích Trí Uyển đời Đường.
25. Sa-môn Thích Đạo Tích đời Đường.
26. Sa-môn Thích Di Tục đời Đường.
27. Lệnh hồ Nguyên Quỹ ở Long châu đời Đường.
28. Sử Ha Thê ở Giao Nam đời Đường.
29. Thư sinh họ Tuân ở Ích châu đời Đường.
30. Sa-môn Thích Đàm Vận đời Đường.
31. Đô thủy sứ giả Tô Trường đời Đường.
32. Phu nhân họ Đậu đời Đường.
33. Tư mã Liễu Kiệm ở Hình châu đời Đường.
34. Triệu văn Tín ở Toại châu đời Đường.
35. Huyện thừa Lưu Bất ở Bồng châu đời Đường.
36. Giả Đạo Tiệm ở Lạc châu đời Đường.
37. Lục Hoài Tố ở Ngô quận đời Đường.
38. Tư mã Kiều Khanh ở Hà nội đời Đường.
39. Tôn Thọ người Bình châu đời Đường.
40. Lý Kiên Quán ở Trịnh châu đời Đường.
41. Chuyện linh ứng tại huyện Tế âm thuộc Tào châu đời Đường.

1. Sách Hán-pháp-bản-nội-truyện nói: “Vua Hán Minh đế sai phái đoàn Sái Âm, Trương Cảnh gồm 18 người sang nước Thiên Trúc rước các ngài Ma-đăng, Pháp-lang và mang kinh điển chở về. Nhà vua hỏi:

“Đấng Pháp vương ra đời, tại sao không đến giáo hóa nơi đây?” Ngài Ma-đăng đáp: “Nước Ca-tỳ-la-vệ bên Thiên Trúc ở giữa hàng trăm ức mặt Trời mặt trăng và 3 nghìn đại thiên thế giới. Thậm chí các bậc Trời, rồng, người, quỷ đủ lực hạnh nguyện đều sinh vào đây, thọ trì Chánh pháp của đức Phật và cùng ngộ Đạo. Chúng sinh các nước khác không có nhân duyên ấy. Vì thế, đức Phật không sang tới đây. Tuy nhiên, hào quang của ngài vẫn chiếu diệu tận nơi. Hoặc năm trăm năm, hoặc một ngàn năm, hoặc hơn một ngàn năm đều có các bậc Thánh Tăng sang đây truyền bá Phật pháp.” Nhà vua nghe nói, rất vui lòng.” Sách ấy còn chép: “Ngày mồng một tháng giêng năm Vĩnh Bình thứ mười bốn, đoàn đạo sĩ khắp năm non gồm sáu trăm chín mươi người đến triều kiến xong, dâng biểu xin đầu phép ăn thua với chư Tăng Tây Vực. Nhà vua truyền thượng thư lệnh Tổng Trưởng dẫn vào, ban rằng: “Vào ngày rằm tháng giêng này, triệu tập đông đủ ở cửa Nam chùa Bạch mã, ta sẽ cho dựng ba đàn.” Đến ngày, các đạo sĩ năm non tám núi mang ba trăm sáu mươi chín quyển kinh tôn trí ở đàn phía Tây. Chư tử khắp hai mươi bảy môn phái mang hai trăm ba mươi lăm quyển kinh tôn trí ở đàn trung ương. Phẩm vật thờ cúng chư thần tôn trí ở đàn phía Đông. Nhà vua sai lập hành điện bên đường thuộc phía Tây cổng chùa, tôn trí xá-lợi và kinh Phật. Bấy giờ, các đạo sĩ ôm củi, lau khô, mỗi lửa đi vòng quanh đàn, đến trước kinh kêu khóc rằng: “Nhà vua mê tín tà thuyết, bỏ mất Đạo huyền. Xin rước kinh điển lên đàn, nổi lửa để thử linh nghiệm, phân biệt giả chân.” Rồi châm lửa đốt kinh. Tất cả đều cháy thành tro bụi. Đám đạo sĩ thấy thế, nhìn nhau thất sắc, có kẻ muốn độn thổ, thăng thiên. Mọi phép thần chú đều không linh nghiệm. Thật vô cùng xấu hổ! Thái phó Trương Diển bảo rằng: “Hôm nay các ngài không có phép thuật nào linh ứng, nên cắt tóc quy y theo Phật pháp với chư Tăng Tây Vực!” Bấy giờ, bọn đạo sĩ Chử Thiện Tín lặng thinh không trả lời. Bọn Phí Thúc Tài bên Nam nhạc phát tức đến chết! Xá-lợi của đức Phật phóng hào quang ngũ sắc lên Trời, toả thành tán quý che kín mặt nhật, chiếu diệu đại chúng. Pháp sư Ma-đăng vút mình bay lên, tự do biến hóa. Rồi Trời đổ mưa hoa quý báu xưa nay chưa từng thấy. Pháp sư Pháp-lan giảng giải những điều mới lạ chưa từng nghe. Tư không Lưu Tuấn, các quan ở kinh thành, các phu nhân tại hậu cung và đám đạo sĩ Lữ Huệ Thông ở bốn núi hơn một ngàn người xin xuất gia, được nhà vua chấp thuận, cho lập mười ngôi chùa. Bảy ngôi ở ngoài kinh thành dành cho chư Tăng, ba ngôi ở trong thành dành riêng cho các vị ni. Sau đó, Phật pháp hưng thịnh, chùa cất càng nhiều cho đến hiện nay. (Chuyện

trên rút từ sách Hán-pháp-bản-nội-truyện)

Đình Thừa ở Tế âm đời Tấn, tự là Đức Chân, làm huyện lệnh tại Ngưng âm giữa niên hiệu Kiến an. Bấy giờ, có người đàn bà cư ngụ ở mạn Bắc, ra giếng phía ngoài múc nước, gặp người Hồ mắt sâu mũi dài đến xin uống rồi biến mất. Người ấy chợt nổi cơn đau bụng, càng lúc càng nhiều, đến nỗi phải khóc la. Một lát, bỗng đứng ngồi bệt xuống, múa tay nói tiếng Hồ. Mấy chục hộ trong ấp cùng kéo ra xem. Người ấy kêu đưa giấy bút để viết sách. Được bút, liền viết chữ Hồ thành hàng ngang, kiểu giống chữ át chữ ty. Đầy 5 trang giấy xong, liệng bút xuống đất, bảo mọi người đọc thử. Cả ấp không ai đọc nổi. Thấy em bé hơn mười tuổi, người ấy chỉ vào, bảo em có thể đọc được! Em bé cầm sách, đọc ra tiếng Hồ. Mọi người kinh ngạc, chẳng nói nên lời. Người ấy lại dạy em bé nhảy múa. Em bé bèn nhón chân, vỗ tay họa theo, một lát thì ngừng lại. Mọi người đem bẩm lên huyện lệnh. Đức Chân triệu người ấy cùng em bé đến hỏi. Cả hai đều mập mờ không nhớ rõ lại. Đức Chân muốn xác minh sự thật, sai thuộc hạ mang sách đến hỏi vị Tăng kỳ cựu người Hồ ở chùa Hứa hạ. Vị Tăng giật mình, bảo rằng: “Lâu nay, trong kinh Phật mất chữ, ngại nỗi đường xá xa xôi, không thể đi tìm kiếm bổ sung. Dầu đọc tụng, nhưng không đầy đủ. Đây chính là bản gốc.” Bèn xin giữ lại để sao chép.

3. Châu Mẫn, người Nhữ nam đời Tấn, làm tướng quân hộ quân. Gia đình mấy đời thờ Phật. Gặp loạn Tô Tuấn, sĩ phu trong nước chạy trốn tứ tung. Nhà ông có bộ kinh Đại-phẩm-niết-bàn chép lên hai mặt nửa vuông lụa dài tám trượng. Ngoài ra, còn có mấy túi kinh khác. Bộ Đại-phẩm cũng đựng trong đó. Khi chạy giặc, không thể mang theo tất cả, ông rất tiếc bộ Đại-phẩm ấy, nhưng quá hoảng hốt, không nhớ cất ở túi nào. Vội vàng sắp đi, không kịp mở ra tìm kiếm, ông đành than thở ngậm ngùi. Bỗng nhiên bộ kinh ấy lộ ra ngoài, ông giật mình mừng rỡ ôm theo. Từ đó, họ Châu đời đời tôn kính, xem là gia bảo, đến nay hã còn.” Một thuyết khác nói: “Vợ của Châu Tung là bà Hồ thị có bộ Đại-phẩm viết trọn lên mảnh lụa lớn năm tấc và một hạt xá-lợi đựng trong bình bằng bạc. Tất cả được cất kỹ trong tráp. Gặp cơn hoạn lạc dưới niên hiệu Vĩnh gia, bà chạy sang vùng Giang nam. Kinh và xá-lợi chợt lộ ra ngoài, bà giấu vào người mang đi. Có lần gặp hoả tai, không kịp lấy kinh, khi tàn ngọn lửa, lại tìm thấy dưới lớp tro than, y nguyên như cũ. Vương Đạo Tử ở Cối kê có đến nhà Châu Tung xin thỉnh về phụng thờ. Sau đó, kinh ấy cũng nằm ở chùa Tân chữ. Lưu Kính Thúc bảo rằng: “Ta từng thấy được kinh ấy. Chữ lớn bằng hạt mè, nét bút san

sát khéo léo.” Chùa Tân Chữ là chùa Thiên an hiện nay. Kinh ấy do cao Tăng đắc đạo Thích Tuệ Tắc viết nên. Cũng có người nói kinh ấy ở chùa Giản Tĩnh, được ni trưởng ở đấy đem ra đọc tụng.

4. Đồng Cát đời Tấn, vốn người ở đất Ô tiêm, gia đình thờ Phật đã ba đời. Đến ông, càng thêm tinh tiến, thường trai giới tụng kinh Thủ-lăng-nghiêm. Trong làng có người bệnh hoạn, mời ông đến tụng kinh, phần đông đều bình phục. Hà Hoảng, người cùng huyện, cũng là kẻ sĩ mộ Đạo. Giữa niên hiệu Hàm Hoà, bỗng bị chứng độc trên núi hành hạ khổ sở. Người anh lo sợ, vội chạy sang mời ông. Hai nhà xa nhau khoảng sáu bảy chục dặm, lại cách một dòng khe lớn, giữa tháng năm đang mưa to. Khi người anh qua khe, nước chưa dâng lên. Ông hẹn đứng trưa sẽ sang, nhưng nước đã dâng cao, không thể qua được. Ngồi trên bờ rất lâu, ông chần chờ than thở. Muốn bước xuống, song không dám lội qua. Là người thủ tín, cần phải đúng hẹn, ông liền phát nguyện rằng: “Đệ tử cứu người khốn khổ, không tiếc sinh mạng. Xin đức Như Lai chứng giám cho tấm lòng thành.” Lập tức cởi áo bọc kinh đội trên đầu rồi lội thẳng xuống. Độ chừng sẽ ngập đến cổ, ngờ đâu, nước chỉ lên đến gối. Qua được bờ kia, lại mất bọc kinh! Ông rất ân hận, xăm xăm cát bước đến nhà Hà Hoảng. Đánh lễ sám hối, ông rơi lệ xót xa. Bỗng thấy bọc kinh đặt trên hương án. Ông mừng mừng tủi tủi cầm lên, như còn phảng phất hơi nước. Thử mở ra xem, kinh vẫn ráo khô! Thấy thế, người trong làng đều xin thờ Phật. Phía Tây bắc đất Ô tiêm có ngọn núi cao hiểm trở, chứa nhiều ma quái chuyên hại dân lành. Ông muốn dùng thần lực của kinh luật thu phục bọn chúng, liền ra tay chặt cây trên khoảng đất chừng bốn năm mẫu bên cạnh núi, cất lên căn nhà nhỏ rồi đặt hương án tụng kinh Thủ-lăng-nghiêm. Hơn một trăm ngày,, chẳng nghe động tịnh, dân chúng tạm yên. Sau đó, có mấy người kếp đến nói chuyện rất lâu. Ông nghĩ, bọn khách này không phải người Ô tiêm. Chỗ này xa xôi hẻo lánh, đến để làm gì. Chắc là bọn ma quái. Liền hỏi: “Phải chăng quý vị là ma quỷ nơi đây?” Đám người ấy đáp: “Đúng thế! Bọn tôi nghe tiếng ngài đạo hạnh cao siêu, nên đến xem thử, đồng thời cũng yêu cầu một việc, mong ngài nhận lời. Bọn tôi chiếm giữ ngọn núi này đã lâu đời, làm nơi sinh sống rong chơi. Ngài đã đến đây, sợ sẽ đụng chạm, nên không an lòng. Nay muốn phân chia lại địa phận, diệt cây làm ranh giới.” Ông bảo: “Tôi thích nơi đây thanh tịnh để tụng niệm kinh điển, không có ý hại nhau. Là chỗ lảng giềng, xin quý vị giúp đỡ!” Bọn ấy đáp rằng: “Bọn tôi cũng nhờ cậy ngài đừng xâm lấn.” Nói xong, liền kéo nhau đi. Qua hôm sau, tất cả cây cối khắp bốn phía ở ngoài chỗ

đất do ông khai khẩn đều héo úa chết khô, giống như bị đốt cháy. Ông sống đến tám mươi bảy tuổi mới mất.

5. Châu Đương đời Tấn, người đất Diễm thuộc Cối ke, gia đình đời đời thờ phụng Chánh pháp. Năm lên mười sáu tuổi, rau dưa trai giới, tụng niệm kinh điển đã quen. Tháng giêng ăn chay xong, nhờ chư Tăng lập phép Bát quan trai rồi đến chùa tại thị trấn cung thỉnh các đại sư Trúc Phật-mật và Chi Pháp Giai. Ngài Phật-mật khiến ông tụng bộ Tiểu-phẩm-Bát-nhã để cùng tụng lướt qua hôm cử hành trai lễ. Đúng ngày, ba đại sư đến, nhưng quên mang kinh theo. Thọ trai xong, chuẩn bị tụng kinh mới nhớ ra, trong lòng rất buồn bực. Nhà ông ở làng Bản di, cách chùa ba mươi dặm, không biết sai ai đi lấy kinh. Khi nhập định thấp nhang xong, cả nhà ấm ức không có bộ kinh, càng thêm thắc thỏm. Bỗng có người gọi cửa, bảo mang kinh đến. Ông vừa ngạc nhiên vừa mừng rỡ chạy ra mở cửa, thấy một thiếu niên mặc áo vải mũ vải, chưa từng quen biết, lại không phải người đời nay. Nghi là thần nhân, ông quỳ xuống nhận kinh và mời vào. Thiếu niên từ chối, hẹn tối sẽ đến nghe kinh. Khi các đại sư ra xem thì đã biến mất, chỉ còn lại mùi hương thoang thoảng khắp nhà. Nhìn lại, chính là bộ Tiểu-phẩm-bát-nhã-ba-la-mật. Mọi người đều xôn xao mừng sợ. Kinh ấy trước đây được cất kỹ vào hòm, đóng khóa cẩn thận. Về xem, khóa vẫn y nguyên như cũ. Do đó, hơn mười nhà trong làng đều xin quy y Chánh pháp và càng yêu kính ông hơn. Ông bèn xuất gia, lấy đạo hiệu là Đàm Nghi, tụng niệm kinh điển Đại tạng đến hai mươi vạn lời.

6. Tạ Phu đời Tấn, tự Khánh Tự, người huyện Sơn âm thuộc Cối kê, là con người anh của tướng quân Di Chi. Từ nhỏ, nuôi chí cao thượng, ẩn cư tại Đông sơn, tin tưởng Chánh pháp, tinh cần không biết mỏi mệt. Ông tự tay chép kinh Thủ-lăng-nghiêm và từng ở chùa Bạch mã tại kinh thành. Gặp cơn hoả hoạn lan đến, mọi vật cùng kinh điển trong chùa đều cháy rụi. Kinh này chỉ bị sém phần giấy bên ngoài, chữ nghĩa vẫn còn đủ. Khi ông mệnh chung, thân hữu nghi ông đã đắc Đạo, nghe kể chuyện kinh này, họ càng thêm lạ lùng. Năm Nguyên Gia thứ tám, khắp thành Bồ bản ở Hà đông bị hoả hoạn lớn. Lửa từ dưới sông bay lên, không sao cứu chữa. Đồn giặc, nhà dân đều bị thiêu rụi, riêng Tinh xá, chùa tháp hoàn toàn không bắt lửa. Phần đông nhà có kinh tượng trong làng cũng không hề hấn. Dẫu có nhà bị cháy, nhưng dưới đóng tro tàn, vẫn gặp kinh sách còn y nguyên chữ nghĩa. Cả thành đều lấy làm lạ, càng thêm kính tin. (5 chuyện trên đây rút từ sách Minh-tường-ký)

7. Chuyện về Sa-môn Thích Đạo An này đã dịch ở quyển 16.

8. Sa-môn Tịnh Tăng ở Thục quận đời Tây Tấn, xuất gia từ thuở nhỏ, chuyên tu khổ hạnh. Ngài làm toạ chủ chùa tam hiền trong quận, thường tụng kinh Pháp-hoa. Mỗi lần tụng trong núi, ban đêm có cọp đến ngồi nghe, hết kinh mới bỏ đi, hoặc thấy 4 người lạ đứng hầu. Tuổi càng cao, ngài càng tinh tiến hành trì đến cuối đời.

9. Năm Cam lộ thứ năm đời vua Phế đế nhà Tiền Ngụy, Sa-môn Châu Sĩ Hành giảng kinh Tiểu-phẩm-bát-nhã, thấy văn từ chưa hết nghĩa, bèn sang Tây Vực tìm tòi được trọn vẹn. Nước ấy giữ lại không cho về, ngài cầm kinh đứng trước sân châu nói lớn: “Nếu Chánh pháp không được lưu truyền, xin cho kinh cháy tan theo lửa!” Dứt lời, ngài ném quyển kinh lá bối vào lửa đỏ. Lạ thay, chẳng hề hấn chút gì! Cả nước đều kinh dị, phải để ngài về. Đấy chính là kinh Phóng-quang vậy. Ngài viên tịch năm 80 tuổi, theo lệ đem hoả thiêu, nhưng di thân không tiêu hủy. Đạo đời rất kinh ngạc, khẩn rằng: “Nếu ngài thật sự đắc Đạo, nên cho tan rã.” Di thân lập tức vỡ vụn. Đại chúng thu thập lại và xây tháp phụng thờ.

10. Cuối đời Hậu Ngụy, Sa-môn Thích Chí Trạ, người Tề châu, tu hành ở chùa hàm thảo trong hang sâu tại núi Nhân đầu thuộc phía Bắc Thái sơn. Tính ngài đơn giản ít nói, chuyên tụng kinh Pháp-hoa. Chẳng ai biết rõ hành tung, Đạo tục cùng chim chóc không đến quây nhiễu. Khi ngài sắp viên tịch, thần Tăng Bảo Chí tâu vua Lương Vũ đế: “Hôm nay, vị Thánh Tăng chứng quả Tu-đà-hoàn ở chùa hàm thảo tại phương Bắc sẽ nhập diệt.” Quả nhiên, ngài viên tịch thanh thản, không bệnh tật, mỗi bàn tay duỗi ra một ngón. Có vị Tăng Ấn độ bảo rằng: “Đây là điềm lành của bậc chứng Sơ quả.” Đại chúng cung nghinh di thân an táng trong núi. Về sau, khai ra xem lại, chỉ còn lưỡi vẫn y nguyên như lúc sinh thời, bèn lập tháp phụng thờ, đến nay hãy còn. Chim muông không bén mảng gây ra ô uế.

11. Đời Hậu Ngụy, vị Sa-môn ở chùa Ngũ hầu thuộc Phạm dương, thất lạc pháp hiệu, chuyên tụng kinh Pháp-hoa. Khi ngài mới viên tịch, được an táng tạm thời dưới chân đê. Về sau cải táng, di thân khô ráo không hư hao, lưỡi vẫn còn y nguyên. Tại Ung châu cũng có vị Sa-môn tụng kinh Pháp-hoa, ẩn tu trong núi Bạch lộc được một Đồng tử hiện ra hầu cận. Khi ngài viên tịch, di thân được đặt trong hang. Xương cốt đều khô, chỉ có lưỡi vẫn còn y nguyên không hư hoại. Vũ Lăng Thế và Đông Khán sơn nhân đời Tề đào đất, thấy có màu vàng trắng và một vật giống hai môi, bên trong có lưỡi màu đỏ tươi, bèn đem tâu lên. Nhà vua hỏi khắp trong Đạo ngoài đời. Sa-môn Pháp Thượng bảo rằng: “Ấy là do người tụng kinh Pháp-hoa nên lục căn không bị hủy hoại. Tụng

kinh ấy đủ nghìn biến sẽ được linh nghiệm như thế.” Nhà vua cho tុ tập những người chuyên tụng kinh Pháp-hoa lại chung quanh để tụng niệm. Vừa cất tiếng, môi và lưỡi linh thiêng ấy lập tức mấp máy động đậy. Đại chúng kinh hãi đến nỗi dựng đứng lông tóc, phải đem tâu lên, nhà vua sai cất vào hòm đá khóa lại. (% chuyện trên đây rút từ Lương-cao-Tăng-truyện và Tap-lục-ký)

12. Giữa niên hiệu Thái Hoà đời vua Cao tổ nhà Hậu Ngụy, có hoạn quan trong Đại kinh bức xúc vì thân thể tàn phế, xin phép lên núi tu hành. Nhà vua ban ơn chấp thuận, liền mang kinh Hoa-nghiêm đọc tụng suốt đêm ngày và làm lễ sám hối không dứt. Chưa đầy một Hạ, đến cuối tháng sáu, râu ria mọc ra, trở nên tướng trượng phu rất oai nghi, bèn đem tâu lên. Nhà vua hết sức tôn trọng. Từ đó, trong nước đều sùng mộ kinh Hoa-nghiêm hơn hẳn trước đây. (Truyện trên đây rút từ Tinh-dị-ký của Hầu Quân Tố)

13. Ngài Thích Tuệ Nghiêm là vị Sa-môn ở chùa Đông An tại kinh đô đời Tống. Tư duy phù hợp cùng chân lý, kiến giải được Đạo đời khâm phục. Thường ngao ngán chữ nghĩa kinh Đại-niết-bàn quá phức tạp, ngài bỏ công san định gọn lại còn mây quyển, chép thành vài bản gửi cho các pháp hữu cùng xem. Sau đó, đang mơ màng ngủ trưa, chợt thấy một người cao hơn 2 trượng, tướng tá uy nghi, đến bảo rằng: “Kinh Niết-bàn là tông chỉ của các kinh. Cớ sao ông dám ngạo mạn đem ý kiến nhỏ nhoi ra thêm bớt?” Ngài bực dọc không vui, cho là lời kiểm chuyện càn quấy. Đem sau sắp ngủ, lại thấy người ấy giận dữ nói rằng: “Hôm qua, ta đã cảnh cáo, ông vẫn chưa chấm dứt hay sao? Kinh Niết-bàn này không thể san định. Tai họa sắp ập đến với ông!” Ngài hoảng hồn thức dậy. Trời chưa sáng, đã cấp tốc gửi thư đòi các bản kinh ấy về đốt sạch. Sa-môn Thích Đạo Nghiêm ở Tinh xá Trần ngoại nghe rõ chuyện này rồi thuật lại.

14. Ni cô Thích Trí Thông ở chùa Giản Tịnh tại kinh đô đời Tống, tuổi hạ và uy nghi đều thiếu, đạo tâm cũng chẳng nhiều. Năm Nguyên gia thứ 9, bốn sư viên tịch, ni cô hoàn tục, làm thiếp của lương Tê Phủ, sinh được một bé trai. Năm chú bé lên bảy, gia đình túng quẫn, không có áo mặc. Khi còn ở chùa, ni cô có mấy bộ kinh Vô-lượng-thọ và Pháp-hoa bằng lụa, bèn đem giặt sạch để may áo cho con. Được một năm thì phát bệnh, tinh thần hoảng loạn sợ sệt, khắp mình da lột nát tan như bị phỏng lửa, hằng ngày bắt ra một bát giòi li ti trắng hếu. Đón đầu khổ sở, đêm ngày rên la. Thường nghe giữa Trời có tiếng nói rằng: “Tội phá kinh làm áo phải chịu quả báo ác liệt này!” (hai chuyện trên

đây rút từ Minh-tường-ký)

15. Đời Tống, có Sa-môn Thích Tuệ Khánh, vốn người Quảng lăng, xuất gia tu hành ở chùa Lo sơn. Ngài thông thạo kinh luật, giữ gìn giới hạnh thanh tịnh, thường tụng các kinh Pháp-hoa, Thập-địa, Tư-ích và Duy-ma. Hằng đêm tụng kinh, trong bóng tối nổi lên tiếng búng tay ca tụng. Có lần đi trên sông, gặp trận sấm nhỏ, sóng gió vụt dậy. Thuyền nhỏ trông chừng sắp chìm, nhưng ngài vẫn thản nhiên tụng kinh không dứt. Nghe như có người dẫn thuyền lướt qua sóng gió, giây lát đã vào bờ một cách bình an. Do đó, ngài càng tinh tiến hành trì, đến cuối niên hiệu Nguyên gia mới viên tịch, thọ được sáu mươi hai tuổi.

16. Sa-môn Thích Tuệ Bảo ở Thái nguyên đời Tề, chưa rõ họ tên, tụng được hai trăm bộ kinh. Đức độ siêu việt, nổi tiếng đương thời. Năm Vĩnh bình thứ ba, ngài từ Tinh châu sang Nghiệp châu, đến ngang Ngã châu bị lạc đường, phải theo lối tắt vào nghỉ đêm trong hang núi. Nhìn phòng ốc như có dấu người ở, nhưng tuyệt nhiên không thấy bóng ai. Ngài ngồi yên phía trước, nhìn lên nhánh tùng mọc ngay thân, bắt gặp cái khánh treo lủng lẳng cách mặt đất hơn một trượng. Đến canh hai, chợt thấy người mặc áo cỏ, từ ngoài bước vào, nói: “Cớ sao trong nhà có mùi tục?” Ngài đứng lên hành lễ, bộc bạch sự tình. Dị nhân hỏi: “Hiện nay họ nào thống lãnh đất nước?” Ngài đáp: “Họ Cao làm vua, quốc hiệu là Tề.” Ngài hỏi lại: “Tôn sư lên núi đã bao lâu?” Đáp: “Ta lên đây từ thời Hậu Hán.” Dị nhân hỏi lại: “trưởng lão chuyên trì kinh nào?” Ngài ỷ mình tụng nhiều kinh, nên trả lời có vẻ kiêu ngạo. Dị nhân nói: “Người tu hành chớ nên như thế. Trưởng lão muốn nghe kinh nào, ta sẽ tụng giúp cho.” Ngài đáp: “Thích nghe kinh Hoa-nghiêm.” Chỉ một lát, dị nhân đã tụng xong. Âm điệu hài hoà, khác giọng thế gian. Nhờ tụng các kinh khác, cũng y như thế, ngài kinh hãi than rằng: “Vì sao một thoáng đã tụng xong các bộ kinh lớn?” Dị nhân đáp: “Nhà người cố tâm tụng, còn ta tụng vô tâm. Đây, nếu biết quên tâm đối với vật thì ta và vật đều tự tại.” Ngài biết đây là vị thần Tăng, liền xin ở lại thọ giáo. Dị nhân bảo: “Trong nước hay được, đem lợi ra nhử, ân cần mời mọc, liệu nhà người chịu ngồi yên? Vả lại, nhà người chưa diệt sạch trần lụy, dấu ở lại cũng chẳng ích gì!” Đến sáng, dị nhân bỏ đi. Lăn theo dấu vết, chẳng biết đi đâu, ngài chỉ biết tự trách mình còn kém. Sau khi sang tới Nghiệp châu, ngài đem kể lại mọi chuyện. (2 chuyện trên đây rút từ Lương-cao-Tăng-truyện)

17. Ngày hai mươi ba tháng mười một trọng Đông, đúng luật Hoàng chung, năm Ất mùi dưới niên hiệu Thiên giám thứ mười bốn đời

Lương, Hà Quy ở quận Nam hải thuộc Quảng châu, lên hái thuốc trên núi Hồ dược tại huyện Dự chương. Chẳng phải quan lại bị đi đày, đúng là ẩn sĩ tìm tiên thuật. Leo chừng mười dặm, thoăn thoắt như quen, sắp sửa qua đoạn đường quanh, trước mặt dòng khe chắn bước. Nước nhìn như lặng, lại chảy trong veo. Vừa mới xắn áo, rồi lại vén quần, chưa kịp lội xuống, bỗng sững sốt thấy bên kia có vị trưởng lão bảo dừng lội sang. Ông liền dừng lại. Trưởng lão sắc mặt màu xanh, chân không mang dép, tuổi khoảng tám chín mươi. Da mặt nhăn nheo, râu dài năm sáu tấc, ria dài bằng nửa râu. Tai cao hơn mày, lông mày rủ xuống, dài chừng hai ba tấc, theo gió phát phơ. Sắc môi tươi thắm, tiếng nói trong trẻo ngân vang. Móng tay vàng óng, lông tay cũng dài hai ba tấc. Trưởng lão choàng áp vai bằng vải, mặc áo nê-hoàn bằng vải màu đất đỏ, tay cầm quyển kinh ném sang cho ông. Ông kính cẩn chụp lấy, lễ tạ ba lạy. Trưởng lão nhờ trao kinh ấy cho Kiến An vương, nói rõ họ tên, dặn vương khi nhận kinh phải trai giới đủ hai mươi một ngày. Nếu không rành nghi thức, nên hỏi Phó Công ở chùa Hạ lâm, là bậc giới hạnh tinh chuyên, hư vô điềm đạm, thoát ngoài danh lợi, đưa muối qua ngày, hành Thiên cần mẫn. Nói xong, trưởng lão bỏ đi chừng mười bước, rồi biến mất. Ông mở kinh ra xem, thấy đề kinh Tuệ-ấn-Tam-muội. Kinh lấy pháp thân vô tướng tuyệt đối làm bản thể, lý lẽ vượt ngoài ngôn từ phán đoán, ý nghĩa siêu việt hình sắc giả danh. Thanh tịnh ngang hàng pháp tướng, huyền diệu giống với chân như, nên gọi là Tuệ chiếu. Chân lý hoàn toàn phù hợp với tâm địa nhiệm mầu ngưng tịch, nên gọi là Tam-muội. (Chuyện này chép trong Hoàng-minh-tập của luật sư Tăng Hựu đời Lương)

18. Vua Cao tổ nhà Châu tiêu diệt Phật pháp, kinh điển đều bị thiêu hủy thành tro. Nửa năm sau, bỗng thấy giữa không trung có năm sáu vật giống như tai nấm bay cao ngoài tầm mắt. hụp thành một dãy, theo gió chập chờn lên xuống. Trăm quan đứng nhìn, chẳng biết là gì. Một hồi lâu liền rơi xuống trên mặt tường. Nhìn kỹ lại, đúng là mười ba quyển kinh Đại phẩm.

19. Nghiêm Cung ở Dương châu đời Trần Nguyên là người Tuyền châu. Nhà giàu, không có anh em, nên cha mẹ rất yêu quý, nói gì cũng chiều theo. Đầu niên hiệu Thái Kiến, dù còn nhỏ tuổi, ông xin cha mẹ cho năm vạn tiền đem đến Dương châu mua bán. Cha mẹ nghe lời, ông sắm mọi thứ lên đường. Cách Dương châu vài chục dặm, gặp một chiếc thuyền chở rùa đi bán. Ông nghĩ chắc chắn bầy rùa sẽ chết hết, liền ngỏ ý xin chuộc lại: “tôi có đủ năm vạn tiền, xin đưa ra chuộc bầy

rùa.” Người chủ mừng rỡ nhận tiền, giao rùa rồi đi. Ông thả hết xuống sông, chèo thuyền không đến Dương châu. Chủ thuyền đi hơn mười dặm, bị đắm thuyền chết mất. Đêm hôm ấy, có năm mươi người khách mặc áo đen vào nhà ông xin ở lại và đưa năm vạn tiền giao cho cha mẹ ông, nói ông ở Dương châu, nhờ đưa về. Hai cụ kinh hãi, sợ ông chết, nên hỏi rất kỹ. Bọn khách bảo ông vẫn bình an, sợ dĩ gửi tiền lại vì không cần nữa. Xem đúng là tiền cũ, chỉ hơi thối ướt, hai cụ làm cơm đãi đằng. Sáng mai, bọn khách cáo từ. Hơn tháng sau, ông trở về. Hai cụ hết sức vui mừng. Hỏi lý do gửi tiền về, ông trả lời không có. Hai cụ thuật chuyện bọn khách, hình dáng, ngày tháng, đều đúng với hôm ông chuộc bầy rùa. Bọn họ chính là bầy rùa được chuộc mạng. Cả nhà cùng kinh sợ tán thán, liền đến Dương châu dựng nhà Tinh xá chuyên lo sao chép kinh Pháp-hoa rồi định cư hẳn tại đây. Gia đình trở nên giàu có, xây thêm phòng chép kinh thật trang nghiêm thanh tịnh, đầy đủ mọi tiện nghi. Số người chép đông đến mấy chục. Đạo đời ở Dương châu rất kính mến, gọi là ông Nghiêm Pháp-hoa. Có người quen đến vay trước tiền chép kinh một vạn. Ông ứng tiền xong, người ấy chở về. Giữa đường thuyền lật, tiền rơi xuống sông, người ấy may mắn thoát chết. Hôm đó, khi nhập tiền vào kho, thấy một vạn ướt sũng như mới vớt lên, ông vô cùng kinh ngạc. Sau gặp lại người vay, mới biết một vạn hôm ấy là số tiền bị chìm. Có thương khách đến cúng tế, dâng lễ vật tại miếu linh thần ở hồ Cung đình. Đêm mơ thấy vị thần đem lễ vật trả lại và bảo rằng: “Nhờ nhà người mang giúp ta khoảng tiền này cúng dường cho ông Nghiêm Pháp-hoa chi dụng vào việc chép kinh.” Sáng mai, mọi thứ bày đủ trước mắt. Vì thế, thương khách ngơ ngẩn, đem giao lại cho ông và cúng dường thêm rất nhiều. Đạo khác, ông ra chợ mua giấy, thiếu tiền. Bỗng có người cầm 3 nghìn trao cho ông, nói rằng: “Giúp ông mua giấy.” Nói xong, liền biến mất, chỉ còn lại tiền. Những chuyện linh dị như thế rất nhiều. Ông mất cuối niên hiệu Khai Hoàng, con cháu vẫn tiếp tục nối nghiệp chép kinh. Cuối đời Tùy, bọn giặc đến cướp phá vùng Giang đô, cùng dặn nhau: “Đừng vào làng ông Nghiêm Pháp-hoa.” Nhờ thế, cả làng được thoát nạn, đến nay vẫn còn chép kinh. Những chuyện này, khắp châu huyện đều biết, nhân sĩ ở kinh đô cũng rõ ngọn ngành. (Chuyện trên đây rút từ Minh-báo-ký)

20. Đầu niên hiệu Khai Hoàng đời Tùy, ở Dương châu có vị Tăng, quên mất pháp hiệu, tụng thông kinh Niết-bàn, tự phụ tài giỏi. Trong làng dưới chân núi Đông sơn tại Kỳ châu có vị Sa-di tụng kinh Quán Thế Âm. Cả hai đều chết đột ngột, nhưng vùng ngực còn ấm. Cùng

xuống âm ty, đến trước điện Diêm la. Diêm vương cung kính mời vị Sa-di ngồi lên ghế vàng cao, mời vị Tăng ngồi lên ghế bạc cao, không cung kính bằng. Xong xuôi, tra xét lại, thấy cả hai đều còn tuổi thọ, bèn thả về. Vị Tăng tụng kinh Niết-bàn ý mình tụng nhiều hơn, nổi giận hầm hầm, hỏi chỗ ở của vị Sa-di rồi cả hai cùng chia tay. Ai nấy đều sống lại tại chùa của mình. Vị Tăng từ phương Nam đến Kỳ châu, tìm được vị Sa-di, hỏi cách tụng kinh. Vị Sa-di đáp: “Trước khi tụng kinh Quán Thế Âm, thay áo, thay nhang, đọc chú cầu nguyện rồi mới tụng. Không dám lười biếng bỏ bê phép này. Ngoài ra, chẳng có gì khác.” Vị Tăng nghe xong, tạ lỗi rằng: “Tội của ta rất nặng. Tụng kinh Niết-bàn không nghiêm chỉnh uy nghi, thân khẩu không thanh tịnh. Như thế, gọi là đủ chữ mà thôi! Người xưa nói, nhiều mà xấu chẳng bằng ít mà tốt. Nay mới nghiệm ra.” Nói xong, ăn năn sám hối rồi ra về.

21. Sa-môn Thích Tuệ Ý ở chùa Cảnh Không tại Tương châu đời Tùy, vốn họ Lý, người Lâm nguyên, lên núi trên thành Hưng Tiên tìm huynh đệ đồng sư là Tuệ Mệnh hỏi tâm yếu tu tập Thiền định. Sau đó, ngài trở về, quyết chí tịnh tu trong Thiền phòng cũ của đại sư Thông tại chùa Cảnh Không. Thường không thắp đèn đuốc, nhưng đêm ngày vẫn sáng. Có người không tin, mời ngài sang chỗ khác hành Đạo một trăm ngày. Đến đêm lén nhìn xem, thấy Thiền thất sáng trưng. Mọi người cảm phục, cùng xin quy y. Đầu niên hiệu Khai Hoàng, biết mình sắp ra đi, ngài chấp tay ngồi yên rồi viên tịch. Lại nữa, dưới niên hiệu Khai Hoàng, Thiền sư Pháp Vĩnh ở Tương dương sắp sửa viên tịch. Vào đêm mồng 7 tháng bảy, bỗng nghe có tiếng âm nhạc và hương thơm tỏa khắp chùa, ngài bèn chấp tay ngồi yên mà hóa. Đồ chúng đưa lên đặt lộ thiên trên đỉnh núi Tản cái. Luật sư Toàn trong chùa đến bên di thân khẩn rằng: “Xin ngài nán thêm bảy ngày nữa.” Đúng hẹn, luật sư viên tịch, đồ chúng cũng đưa lên bên cạnh ngài. Lại thay! Di thân của ngài lập tức rã xuống. Lại nữa, Xà-lê Sầm, vốn họ Dương, người Lâm nguyên, dựng Tinh xá tụng kinh bên dòng suối ở phía Tây chùa tản cái. Mỗi lần tụng kinh Kim-quang-minh, có bốn vị Thiên vương hộ pháp hiện xuống nghe. Sau đó, đọc Đại tạng đều nhớ hết. Ngài tụng hơn ba ngàn quyển. Thường mặc áo vải đi khát thực, đồ ăn còn dư, đem chia cho bầy chuột trong phòng. Hơn một trăm con chạy loanh quanh, giành nhau đến bên ngài. Con nào bị bệnh, ngài đưa tay vuốt ve, đều khỏi cả. Ngài cùng Sa-môn Trí Hiểu trong chùa giao du, tập hợp đồ chúng tu Thiền và giáo hóa mọi người. Biết mình sắp sửa ra đi, Sa-môn Trí Hiểu cấp tốc gọi Thiền sư Thái đặc dò hậu sự rồi lên đại điện lễ Phật. Môn đồ khắp

chùa cùng cầu nguyện cho ngài được an lạc. Hôm sửa soạn giải tán trai nhật ở chùa Thiên cư, Sa-môn bảo ngài rằng: “Ta sắp lên Thiên cung Đâu-suất nghe kinh Bát-nhã.” Ngài đáp rằng: “Sư đệ cứ lên trước, bảy hôm sau, ta sẽ lên theo.” Canh ba đêm ấy, Sa-môn lặng lẽ ngồi viên tịch. Sang canh tư, thần thức của Sa-môn hiển hiện khắp giảng đường. Hai chùa cách nhau mười dặm. Sa-môn lại đến trước Thiên phòng của Thiên sư Thái, khiến nơi đây bỗng sáng rực như ban ngày, bảo rằng: “Trí Hiểu tôi phải đi xa, nên đến Từ biệt trong giây lát, không thể ở lâu.” Thiên sư tiễn Sa-môn ra cổng, qua ba lớp cửa dày rồi về lại, ngồi trên Thiên sàng. Phòng trở lại tối om như cu. Thiên sư lên tiếng, gọi đệ tử. Đệ tử thưa rằng: “Vừa rồi có nghe Thiên sư nói chuyện với khách.” Đệ tử đốt đuốc xem lại, ba lớp cửa dày vẫn đóng chặt, mới hay thần lực của Sa-môn thật tự tại vô ngại. Thiên sư phái đệ tử sang hỏi thăm. Quả nhiên Sa-môn đã viên tịch. Bảy hôm sau, ngài thanh thản nhắm mắt nhập diệt. Hư thân không hề hư hoại. Cho hay, xưa nay Thánh phàm cùng chung đặng, mắt trần không thể phân biệt nổi. (2 chuyện trên đây rút từ Đường-cao-Tăng-truyện)

22. Sa-môn Thích Pháp Tạng ở chùa Bảo thất tại Phu châu đời Tùy, giới luật tinh thuần, tính tình thành thật. Năm Khai Hoàng thứ mười ba, ngài dựng một ngôi chùa trong thành Vị Xuyên thuộc huyện Lạc Giao. Điện Phật trang nghiêm, phòng Tăng đẹp đẽ. Linh tượng và tràng phan đều đầy đủ. Năm Đại Nghiệp thứ năm (609), ngài vâng sắc mệnh sát nhập vào chùa lớn ở Phu châu. Những pháp khí hư hỏng đều được ngài tu bổ và xây cất thêm điện đường để tôn trí và thành lập Đại tạng. Đã sao chép xong tám trăm quyển. Ngài sợ trong châu không đủ giấy bút và người viết chữ tốt, nên phải viết ở cổ tự Ai nguyệt trên kinh thành. Tháng hai nhuận năm Vũ Đức thứ hai đời Đường (619), ngài lâm bệnh hơn hai mươi ngày. Chợt thấy một người mặc áo xanh lộng lẫy đứng trên gác cao, tay cầm quyển kinh, bảo ngài rằng: “Từ khi nhà người hành Đạo đến nay, tuy đã tạo nhiều công đức rất tốt đẹp, nhưng có lợi dụng đôi phần của Tam bảo, mang tội nhiều vô số. Quyển kinh ta cầm đây, chính là Kim-cương-bát-nhã. Nhà người phải tự chép thành một bản thì mọi tội lỗi ấy sẽ được tiêu trừ.” Ngài lên tiếng đáp rằng: “Đệ tử vâng mệnh thành lập Đại tạng, đã chép các kinh, nhưng chưa kịp chép kinh Kim-cương-bát-nhã. Chỉ cầu bớt bệnh, không dám trái lời. Đã được giác ngộ, đệ tử chẳng còn của cải gì ngoài ba pháp y, bình bát và nội y kỳ-chi, sẽ xin đem trao lại cho các vị đại đức và đệ tử.” Chưa đầy mấy hôm sau, đã chép xong một trăm quyển kinh Kim-cương-bát-

nhã. Khi sắp viên tịch, ngài thấy rõ đức Phật Di-đà đến nghinh đón. Nhờ uy lực của kinh ấy, ngài được vãng sinh về Tây phương, không bị đọa vào ba Đường ác.

23. Giữa niên hiệu Đại Nghiệp đời Tùy, có vị du Tăng đến miếu Thái sơn xin tá túc. Thủ từ bảo: “Ở đây không sẵn nhà cửa, chỉ có mái hiên dưới miếu có thể ngủ được, nhưng gần đây, những kẻ ngủ nhờ đều chết đột ngột.” Du Tăng đáp: “Đừng lo chuyện ấy!” Thủ từ đành phải nghe lời, đặt giường dưới mái hiên. Đến đêm, du Tăng ngồi ngay ngắn tụng kinh. Khoảng canh một, nghe trong miếu có tiếng châu ngọc đeo trên áo đeo leng keng. Giấy lát, linh thần hiện ra hành lễ. Du Tăng hỏi: “Nghe nói người nào đến đây ngủ nhờ đều bị thí chủ sát hại. Xin hãy che chở họ.” Linh thần đáp: “Những kẻ sắp chết đến đây, đa số nghe tên của đệ tử, vì sợ quá nên chết mất. Đệ tử chẳng hề giết họ. Xin đại sư an tâm.” Du Tăng mời ngồi, nói chuyện một lúc rồi hỏi rằng: “Nghe nói linh thần Thái sơn đây cai quản cõi âm, phải thế chẳng?” Linh thần đáp: “Đệ tử phước mỏng nên phải chuyên lo việc ấy. Phải chăng đại sư muốn gặp thân nhân đã mất?” Du Tăng đáp: “Có hai vị đồng học mất sớm, muốn xin gặp họ.” Linh thần hỏi tên họ xong, trả lời rằng: “một vị đã đầu thai làm người, một vị còn ở địa ngục. Vì tội nặng, không thể gọi lên đây. Đại sư có thể đến đó thăm hỏi.” Du Tăng nghe nói rất mừng, liền đứng lên đi. Tới một chỗ không xa, có nhiều nhà ngục lửa cháy sáng rực. Linh thần dắt du Tăng bước vào một tòa nhà. Xa xa thấy có một người trong đống lửa đang rên la, chẳng nói nên lời, hình dáng biến đổi, không thể nhận ra. Huyết thịt cháy khét, rất đáng thương tâm. Linh thần nói: “Đây là vị ấy. Đại sư không muốn đi xem nữa chẳng?” Du Tăng quá đau buồn, xin đưa về. Thấp thoáng đã đến miếu, bèn cùng linh thần ngồi xuống, hỏi rằng: “Muốn cứu vị đồng học, có cách gì chẳng?” Linh thần đáp: “Có cách. Nếu chép giúp một bộ kinh Pháp-hoa, vị ấy sẽ được tha ngay.” Trời sắp sáng, linh thần Từ biệt, đi vào trong miếu. Sáng mai, thủ từ lấy làm lạ vì du Tăng không chết. Du Tăng đem mọi chuyện kể lại cho nghe. Sau đó, du Tăng chép một bộ kinh Pháp-hoa, đóng bìa xong, mang đến miếu xin ở lại. Đêm ấy, linh thần hiện ra, hoan hỷ hành lễ, hỏi thăm lý do. Du Tăng trình bày xong, linh thần nói: “Đệ tử đã biết chuyện này. Khi đại sư chép kinh, vừa đề tên, vị ấy liền được tha tội. Nay đã đầu thai lên nhân gian. Chỗ này không tinh khiết, không tiện tôn trí kinh điển. Xin đại sư mang lại về chùa.” Rồi cùng nói chuyện rất lâu, đến khi sắp sáng, du Tăng mới Từ biệt, mang kinh về chùa. Biệt giá Hàng châu là Trương Đức Ngôn, trước đây

từng làm việc ở Duyên châu, biết rõ chuyện này.

24. Sa-môn Thích Trí Uyển ở U châu đời Đường, tinh tiến, có kiến thức. Trước đây, giữa niên hiệu Đại Nghiệp đời Tùy, ngài phát nguyện khắc Đại tạng trên đá, để phòng Chánh pháp bị hủy diệt. Vì thế, ngài đã tạc núi Tây sơn tại U châu thành thạch thất, mài vách bốn phía để khắc kinh rồi chọn các khối đá vuông vắn khắc kinh lên, sắp xếp vào thạch thất. Khi đây, lấy đá lấp kín cửa, nấu sắt hàn chặt. Đường thời, vua Dang đế đến thăm Trác quận, thị lang nội sử Tiêu Vũ là em của hoàng hậu, vốn hâm mộ Phật pháp, đem chuyện bẩm rõ. Hoàng hậu cúng dường một ngàn tấm lụa cùng tiền của, Tiêu Vũ cúng dường năm trăm tấm. Khấp nước nghe tin, tranh nhau cúng dường. Nhờ thế, Phật sự được thành tựu. Ngài thấy nhân công làm việc càng nhiều, tin đồ lên về tấp nập, muốn dựng điện pjhật, trai đường và nhà ở bằng cây phía trước động, nhưng nghĩ khó kiếm gỗ, hao tổn chi phí khắc kinh, nên chưa thực hiện. Một đêm mưa to gió lớn, sấm sét vang rền, chấn động núi non. Sáng mai Trời tạnh, bỗng thấy hàng nghìn vạn cây tùng bách bị nước cuốn tấp đầy đường. vùng Sơn đông xưa nay ít cây cối nhất là tùng bách. Mọi người kinh hãi, chẳng biết góc gác ở đâu. Dò tìm tung tích, mới hay là do núi lở bờ tan từ phương Tây xa lắc, kéo nhau trôi đến. Do đó, xa gần đều tán phục. Nếu không nhờ phước đức, làm sao được thần lực hỗ trợ đến thế? Ngài tập họp nhân công chọn lựa, phần còn lại phân phát cho cư dân tại địa phương. Mọi người hân hoan góp sức xây dựng. Một thời gian ngắn, tất cả đều hoàn thành đúng ước nguyện. Thấm thoát, ngài đã tạo xong bảy thạch thất đựng kinh. Năm Trinh Quan thứ mười ba, ngài viên tịch, các đệ tử vẫn tiếp tục sự nghiệp. Điện trung thừa tướng Lý Huyền Tường, đại lý thừa biện Tuyên Minh kể cho Lâm tôi nghe chuyện này. Năm Trinh Quan thứ mười chín, Lâm tôi theo hầu xa giá đến U châu, hỏi han dân chúng địa phương, mọi người đều thuật lại đúng như thế. (3 chuyện trên đây rút từ Minh-báo-ký)*

25. Đầu niên hiệu Trinh Quan đời Đường, Sa-môn Thích Đạo Tích** ở chùa Phúc Thành tại ích châu, tụng thông kinh Niết-bàn. Quen lệ thay áo, tắm rửa trước khi trì tụng. Nuôi mối từ tâm sâu sắc cứu độ muôn loài. Ngài viên tịch vào tháng năm giữa mùa Hạ, thời tiết nóng bức, nhưng di thân vẫn không hư hủy. Hơn một trăm ngày, ngài vẫn ngồi kết già ngay ngắn như lúc sinh thời, khiến Đạo đời đều cung kính chiêm ngưỡng.

26. Sa-môn Thích Đạo Du*** đời Đường, không rõ quê quán, thường vân du vùng núi Lễ Tuyền, chuyên tụng kinh Pháp-hoa đến mấy

ngành biển. Đến niên hiệu Trinh Quan, lâm bệnh sắp viên tịch, ngài dặn pháp lữ là thiền sư Tuệ Khuếch rằng: “Lâu nay tụng kinh, ý muốn được linh nghiệm. Như ta vãng sinh vào Đường thiện, lưối sẽ không tiêu tan. Vậy sau khi ta mệnh chung, Hãy đem an táng. Mười năm sau lại đào lên. Nếu lưối tiêu tan thì tụng kinh chẳng có công đức gì. Nếu lưối y nguyên như lúc còn sống, hãy dựng tháp để thế gian biết sinh lòng kính tin Tam bảo.” Nói xong, ngài viên tịch. Năm Trinh Quan thứ mười một, đại chúng nhớ lời, khai quật lên. Di thân đều hư hoại, duy lưối vẫn y nguyên. Nam nữ tín chủ trong huyện đều kính ngưỡng, đem đặt vào hộp và dựng tháp phụng thờ trên bờ Cam cốc.

27. **** Đời Đường, phía Nam sông Phúc thủy thuộc Giao nam có Sử Ha Thệ ở thôn Sử tụng kinh Pháp-hoa nổi tiếng. Ông thường đi bộ, không ngồi xe do gia súc kéo, vì nghe kinh dạy phải thương xót muôn loài. Khi mệnh chung, hương tỏa thơm ngát khắp thôn. Mọi người đều lấy làm lạ, nhưng chẳng hiểu nguyên do. 10 năm sau, vợ ông cũng qua đời, bèn đào lên để hợp táng, thấy lưối ông vẫn còn nguyên như lúc sinh thời, liền đem hợp táng bên nhau. Người đến chiêm quan tán thán rất đông.

28. Niên hiệu Trinh Quan thứ năm đời Đường, Lệnh hồ Nguyên Quỹ làm huyện lệnh Ba Tây thuộc Long châu, kính tin Phật pháp. Ông chép các kinh Pháp-hoa, Kim-cương-bát-nhã và Niết-bàn, nhưng không thể kiểm tra lại, phải nhờ Thiền sư Kháng tại địa phương. Thiền sư đem về chùa, trai giới tinh khiết, xem xét lại xong, chế giùm túi gấm, viết tên kinh rồi giao lại cho ông mang về tôn trí tại gia trang ở Kỳ châu cùng bộ Lão tử năm ngàn chữ. Thành linh gặp hoả tai, nhà cửa lợp lá đều bốc cháy. Bấy giờ, ông đang làm huyện lệnh Bằng dực, sai người nhà bối tìm. Lạ thay, các quyển kinh vẫn còn nguyên, màu mực không đổi. Hòm, bìa đều cháy thành tro, kể cả bộ Lão tử. Mọi người xa gần kéo đến mở xem, hết sức kinh dị. Riêng đầu đề quyển kinh Kim-cương-bát-nhã bị cháy nám đen. Hỏi lại nguyên do, đương thời trong châu có vị quan viết chữ tốt, tính háu ăn, lại gặp đi, không giữ tinh khiết, cố viết xong để đi liền. Vì thế mới bị cháy sém. Huyện lệnh ấy hiện còn sống, các quyển kinh vẫn còn. Trụ trì chùa Tây Minh ở kinh thành là đại sư Trần Thái***** đã tận mắt kiểm nghiệm và thuật lại chuyện này.

29. Thiền sư Thích Đàm Vân đời Đường, vốn người Định châu, vân du đến Thập châu, tuổi khoảng bảy mươi. Trước đây, vào cuối đời Tùy loạn lạc, ngài ẩn cư tại Thiên sơn thuộc phía Bắc Ly thạch, chuyên tụng kinh Pháp-hoa. Đã nhiều năm, ngài muốn chép kinh này, nhưng

không có người hỗ trợ. Bỗng đứng một thư sinh, không biết từ đâu đến bảo rằng: “Mọi nghi thức tinh khiết cần thiết khi chép kinh đều giữ được.” Từ đó, sáng sớm ăn cháo, tắm rửa thay áo, giữ đúng tám giới xong, thư sinh bước vào tịnh thất. Miệng ngậm trầm hương, đốt nhang treo phướn lên rồi bắt đầu ngồi lặng lẽ chép kinh đến chiều mới bước ra. Sáng mai lại y như thế, không hề kêu than mệt mỏi. Khi chép xong, ngài cúng dường hậu hĩ và tiễn chân khỏi chùa. Nhấp nháy, thư sinh liền biến mất. Ngài đóng bìa, may túi rất trang nghiêm. Mỗi lần trì tụng, ngài kính cẩn rửa tay mở túi, không dám xao lãng. Sau gặp nạn giặc Hồ, ngài đựng kinh vào hòm, đem giấu trên nóc động. Khi yên giấc, tìm lại nhưng không thấy. Lục mãi khắp nơi, mới gặp dưới động. Hòm và vải bọc đều hư, kinh vẫn y nguyên xinh xắn. Năm Trinh Quan thứ mười một, luật sư Đạo Tuyên ở chùa Tây Minh có đến đây, thấy được kinh và thuật lại chuyện này.

30. Đồi Đường, làng Vương lý nằm cách phía Tây huyện Tân phần thuộc Ích Châu khoảng bốn mươi dặm. Vào đời Tùy, có thư sinh họ Tuân mở trường dạy học tại đây. Ông viết chữ tuyệt khéo nhưng không được nổi danh. Người đến xin chữ năn nỉ hoài, không chịu ra về, đuổi cũng không đi! Ông ra phía Đông làng, phóng bút viết kinh Kim-cương-bát-nhã khắp bốn phía hư không suốt mấy hôm rồi nói: “Kinh này viết cho chư Thiên đọc.” Mới đầu chẳng ai biết kinh ấy linh ứng. Sau gặp cơn mưa như trút, bọn chăn trâu tình cờ đứng trong chỗ viết kinh, không bị ướt át. Khoảng một tháng chung quanh vẫn khô ráo. Trời tạnh, mọi người đều lấy làm lạ. Do đó, mỗi khi Trời mưa, trẻ con thường tụ tập chỗ ấy, vì áo quần không ướt át. Niên hiệu Vũ Đức, có vị thần Tăng bảo rằng: “Giữa Trời tại đây có Kim-cương-bát-nhã, dân làng đừng để ô uế. Chư Thiên cầm lọng quý che giúp phía trên. Chớ nên khinh thường.” Dân làng bèn làm hàng rào che chắn bốn phía, không cho gia súc xâm nhập. Hiện nay Trời mưa, chỗ ấy vẫn khô ráo. Đến kỳ trai lễ, dân chúng xa gần đổ về cúng tế. Thường nghe tiếng nhạc Trời dìu dặt vang tai. (6 chuyện trên đây rút từ Tam-bảo-cảm-thông-ký)

31. Đồi Đường, phu nhân của Trần Công, vốn thuộc dòng dõi họ Đậu Lô, là chị của Nhuế Công Khoan. Phu nhân tin tưởng vào phước đức, thường tụng kinh Kim-cương-bát-nhã. Lâu nay, còn bỏ dở trang cuối chưa tụng xong. Một hôm Trời tối, phu nhân bị nhức đầu, trong người không khỏe. Đêm nằm xuống càng thấy khó chịu, phu nhân sợ chết đột ngột, kinh chưa tụng hết, nên muốn ngồi dậy gắng tụng cho xong. Trong nhà đèn đuốc đều tắt, phu nhân kêu tỳ nữ thắp đèn, nhưng

bếp đã dập lửa, bèn mở cửa sang phòng người nhà lấy lửa, cũng chẳng còn. Phu nhân rất bức mình. Bỗng nhiên từ dưới bếp có ánh lửa thấp sáng lên, theo bậc thềm vào phòng, đến ngay trước giường, lơ lửng cách mặt đất chừng ba thước. Không thấy người cầm vẫn sáng rực như ban ngày. Phu nhân vừa mừng vừa sợ, đầu cũng hết nhức, thanh thần cầm kinh tụng niệm. Một lát, người nhà nhen lửa thấp đốc mang vào, liền tắt mất. Nhờ thế, phu nhân tụng hết kinh. Từ đó, phu nhân theo lệ tụng năm biến mỗi ngày. Khi Nhuế Công lâm chung, phu nhân đến thăm, Nhuế Công bảo: “Nhờ công đức tụng kinh, chị sẽ thọ hằng trăm tuổi, được sinh vào cõi tốt lành.” Đến tám mươi tuổi, phu nhân qua đời thanh thần tại nhà.

32. Giữa niên hiệu Vũ Đức đời Đường, đô thủy sử giả Tô Trường được thăng làm thứ sử Ba châu, bèn đưa gia đình đến nhiệm sở. Vừa qua nửa sông Giang Lăng, gió lớn bỗng nổi lên, lật chìm thuyền. Nam nữ toàn nhà hơn sáu mươi người đều bị chết đuối. Chỉ có người thiếp thường tụng kinh Pháp-hoa, thấy nước tràn vào, liền đội hòm kinh lên đầu, nguyện chết theo kinh, nhưng không chìm xuống, cứ theo sóng gió nổi trôi một hồi rồi tấp vào bờ. Mở hòm ra xem, kinh không chút ướt át. Nay người thiếp ấy vẫn còn, đã lấy chồng khác và rất mộ Đạo.

33. Đời Đường, tư mã Hình châu là Liễu Kiệm, từng làm cung giám ở Kỳ dương thuộc Kỳ châu vào năm Đại Nghiệp thứ mười. Đến năm Nghĩa Ninh nguyên niên, vì liên can vào chuyện Lý Mật, bị bắt nhốt vào đại lao. Ông thường tụng kinh Kim-cương-bát-nhã, còn hai trang cuối chưa tụng xong. Đang mơ màng ngủ, ông thấy vị Tăng Bà-la-môn đến bảo: “Thí chủ mau tụng hết kinh, sẽ được thoát khỏi.” Ông liền thức dậy, chuyên chú tụng hết kinh. Trưa hôm sau có sắc bảo thả ra, đưa đến triều đình tha bổng. Vào lúc khác, đang tụng kinh đêm, đến canh ba, lại nghe phảng phất mùi hương lạ, ông tìm kiếm khắp nơi và hỏi thử người nhà nhưng chẳng ai biết ở đâu. Ông tỉnh tiến trì tụng suốt đêm ngày, đến lúc lâm chung, tính được hơn năm ngàn biến.

34. Triệu văn Tính, người Toại châu đời Đường, chết đột ngột vào năm Trinh Quan thứ nhất. Ba hôm sau sống lại, bảo rằng: “Khi mới chết, bị người lôi kéo đưa đi một đoàn gồm mười người đến điện vua Diêm la, trong đó có một vị Tăng. Trước tiên, nhà vua gọi vị Tăng, hỏi rằng: “Suốt đời, đại sư tu tập công đức gì?” Vị Tăng đáp: “Bần đạo xưa nay chỉ tụng kinh Kim-cương-bát-nhã.” Nhà vua nghe mấy lời ấy, giật mình đứng dậy, chấp tay tán thán: “Hay thay, hay thay! Đại sư chuyên tụng kinh Kim-cương-bát-nhã, phải được siêu thoát lên Thiên giới, tại

sao lại xuống nhằm nơi đây?” Nhà vua chưa nói hết lời, bỗng có sứ giả xuống tới, dẫn vị Tăng bay lên Trời. sau đó, nhà vua gọi người ở Toại châu bước tới: “Suốt đời, nhà ngươi tu tập công đức gì?” “Một đời, tôi chưa tu tập kinh Phật, chỉ thích sưu tầm văn chương của Dũ Tín.” Nhà vua phán: “Dũ Tín là kẻ có tội nặng, hiện đang chịu khổ ở đây. Nhà ngươi quen biết với y chăng?” Người ấy đáp rằng: “Tuy đọc văn chương, nhưng chưa quen biết.” Nhà vua sai người dẫn Dũ Tín ra cho người ấy xem. Lập tức thấy một con rùa lớn hơn cái đầu. Con rùa bò vào. Một lát sau, hiện hình thành người bảo rằng: “Ta là Dũ Tín, suốt đời thích làm văn chương, thường đem kinh Phật so sánh bậy với sách thế gian, che bai Chánh pháp, cho rằng thua xa Khổng Lão, nên nay phải chịu quả báo làm thân rùa khổ sở.” Người ấy sống lại, kể rõ mọi chuyện cùng thân nhân. Xứ Toại châu phần đông thích săn thú bắt cá, nghe được, liền ùng nhau bỏ hẳn nghiệp sát sinh, phat tâm trì tụng kinh Kim-cương-bát-nhã, đến nay hãy còn.

35. Niên hiệu Trinh Quan nguyên niên, Lưu Bật làm huyện thừa ở Nghi Long thuộc Bồng châu. Trước đây, khi còn làm huyện úy tại Giang nam, bỗng dưng có con chim kêu trên cây ngay trước phòng của ông. Người địa phương bảo rằng: “Đó là tiếng kêu của loài chim dữ. Nhà nào gặp chim ấy, giết ngay không ngại tay.” Ông nghe nói, đâm ra lo sợ, muốn làm công đức để được bình an, nhưng ông chưa biết chọn cách nào tốt nhất. Đêm nằm mơ thấy vị Tăng tụng kinh Kim-cương-bát-nhã và khuyên ông tụng đủ một trăm biến. Ông theo lời tụng xong, thình lình một cơn gió lớn từ hướng Đông bắc thổi đến, nhổ phăng thân cây có chim dữ ấy liệng xa ngoài ngõ, bày ra một hố sâu hơn trượng rưỡi. Lạ nhất, khi luồng gió đi qua, cây cỏ cùng rạp xuống, sau đó lại vươn lên như cũ, không hề bị tổn hại. Mới hay Thần lực của kinh ấy thật không thể nghĩ bàn.

36. Giả Đạo Tiễn đời Đường học rộng biết nhiều, rất hâm mộ kinh Phật. Năm Trinh Quan thứ tư, làm tham quan tư hộ tại thanh châu. Vì nhà công quán chật hẹp, không đủ chỗ tôn trí kinh điển, ông lấy dây thừng buộc 2 chân án thứ treo lên giữa phòng, trên đạt 60 bộ kinh. Ông nằm phía dưới, đọc tụng không biết mệt mỏi. Lây ngày dây mục, đứt mất một đầu, nhưng án thứ vẫn nằm yên không rơi xuống, cũng chẳng lung lay. Một lúc thật lâu, mọi người mới tiếp tay đỡ xuống. Chính con ông làm tư hộ ở Thấp châu kể lại như thế.

37. Năm Trinh Quan thứ hai mươi chín, nhà ông Lục Hoài Tố ở Ngô quận bị hoả hoạn. Phòng ốc cháy rụi, Tinh xá cũng theo khói lửa

thành tro, chỉ còn lại một quyển kinh Kim-cương-bát-nhã. Hòm đựng, túi bọc, trục cuốn đều tiêu tan, nhưng chữ nghĩa vẫn y nguyên không suy suyễn. Mọi người nghe nói hết sức kinh ngạc. Lục Hoài Tố là anh vợ trước của Hứa Nhân Tắc ở Cao dương. Đương thời, Hứa Nhân Tắc đã tận mắt chứng kiến và thuật lại. (7chuyện trên đây rút từ Minh-báo-ký).

38. Đời Đường, Tư mã Kiều Khanh vốn người Hà nội, trước đây từng làm tư trực ở đại lý tự. Bẩm tính thuần hậu trang nghiêm, có đức độ. Giữa niên hiệu Vĩnh Huy, ông chịu tang mẹ, khổ sở khô héo, lấy huyết trên tim chép thành bộ Kim-cương-bát-nhã. Một thời gia trên nóc nhà mọc lên 2 tai nấm linh chi. Mới chín ngày đã cao một thước tám tấc. Tai đỏ, thân xanh. Mỗi ngày giọt xuống một bát nước. Nếm thử, vị ngọt như mật. Nhổ bỏ lại mọc lên, cứ thế đến bốn lượt. Các đồng liêu của ông đều thuật lại chuyện này cho Dư Lệnh tôi nghe, hơn nữa, nhiều sĩ phu cũng biết rõ.

39. Giữa niên hiệu Hiển Khánh đời Đường, tại Bình châu có người tên Tôn Thọ đi săn bắt ở vùng duyên hải. Gặp nạn cháy đồng dữ dội, cây cối đều bị thiêu sạch, chỉ còn một 12m cỏ rậm vẫn y nguyên. Nghi trong đó có thú rừng lẫn trốn, ông bước vào tìm, bỗng phát hiện một hòm kinh Kim-cương-bát-nhã đặt bên cạnh di thân của vị Tăng đã nhập diệt, thần sắc không hề thay đổi. Sở dĩ lửa chẳng lan đến, là vì thế. Mới hay kinh tượng vốn rất hiển linh, kẻ phàm phu không thể hiểu nổi. Chuyện này do chính Tôn Thọ thuật lại.

40. Lý Kiên Quán đời Đường vốn ở Lũng tây, hiện cư ngụ tại Trịnh châu. Năm Hiển Khánh thứ năm, chịu tang cha, ông chích máu chép thành những bộ kinh Kim-cương-bát-nhã, Bát-nhã-tâm-kinh và Tùy-nguyện-vãng-sinh, mỗi bộ một quyển. Mỗi lần vào thư phòng đều tắm rửa sạch sẽ. Về sau, bỗng nghe trong nhà tỏa mùi hương lạ rất thơm. Láng giềng đến xem đều kinh ngạc tán thán. Lang Dư Lệnh tôi ở Trung sơn từng đi qua Trịnh châu, gặp thân hữu của ông ấy thuật lại cho nghe chuyện này.

41. Đời Đường, có ngôi Tinh xá cất trong làng nằm cách phía Tây huyện Tế âm thuộc Tào châu hai mươi dặm. Năm Long sóc thứ hai, nạn cháy đồng bỗng nổi lên mãnh liệt, tràn đến Tinh xá rồi vượt qua. Các phòng Tăng, nhà lá đều bị thiêu rụi, chỉ còn lại quyển kinh Kim-cương-bát-nhã y nguyên như cũ. Viên tham quân coi việc học hành lễ nghi ở Tào châu thuật lại chuyện này. (4 chuyện trên đây rút từ Minh-báo-thập-di)

Chú thích:

1- Minh báo ký do Đường Lâm đời Đường soạn, chủ trương chúng sinh đều có thức, thức sinh hành, hành có thiện có ác. Tùy theo thiện ác chịu lấy quả báo. Vì thế, từ ngữ “Lâm tô” là lời tác giả tự xưng.

2- Có bản chép là Trách (sâu xa, ẩn áo)

3- Có bản chép là Di Tục. Như ở đây, phần tiêu đề là Di Tục, phần chuyện kể là Đạo Dụ. Có lẽ tên sau thích hợp hơn.

4- Hai chuyện 27 và 28 có đảo lộn ở phần tiêu đề và câu chuyện. Có thể do sao chép lẫn lộn. Phần tiêu đề chuyện 27 nói về Lệnh hồ Nguyên Quĩ, chuyện 28 nói về Sử Ha Thệ. Cốt truyện ghi 27 nói về Sử Ha Thệ và 28 nói về Lệnh hồ Nguyên Quĩ. Riêng chuyện Lệnh hồ Nguyên Quĩ, tiêu đề ghi là Lệnh hồ Nguyên Quĩ ở Long châu. Cốt chuyện chép thiếu một chữ lệnh, ghi là “Long châu Ba tây huyện lệnh Hồ Nguyên Quy”. Lệnh hồ là họ kép, vậy phải chép là Long châu Ba tây huyện lệnh hồ Nguyên Quĩ. Người dịch chầm chước, suy đoán dịch cho phù hợp trước sau.

5- Trong bản văn, chép là Thần Tế (cúng tế). Có bản chép là Thần Sát (xem xét). Tra trong sử, có đại sư Thần Thái (lớn, thịnh vượng) từng làm tự chủ chùa Tây Minh. Vậy chọn chữ Thần Thái là đúng hơn cả.

